



zhuō zi

桌子

Noun · table

Example Sentences

zhè shì yī zhāng zhuō zi
这是一张桌子。

This is a table.

zhuō zi shàng yǒu yī běn shū
桌子上有一本书。

There is a book on the table.

qǐng bǎ bēi zi fàng zài zhuō zi shàng
请把杯子放在桌子上。

Please put the cup on the table.

Trace each character, then write the word on your own.

桌	桌	桌	桌	桌	桌	桌	桌	桌	桌	桌
桌	桌									

子	子	子	子	子	子					
